

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 08/5/2018.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Công Tài;

2. Bà: Trần Thị Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh QN mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1977.

Bị đơn: Anh C, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Thuận An, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN.

Chị T có mặt, anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh C tổ chức xây dựng gia đình và được Ủy ban nhân dân thị trấn ĐP, huyện QS cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2016. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh C xảy ra mâu thuẫn do anh C đánh đập

chị, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, chị không còn tình cảm với anh C, vợ chồng không còn quan tâm nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh C có hai con chung tên KT, sinh ngày 27/5/1999 và TA, sinh ngày 11/3/2008. KT đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, nên chị không yêu cầu giải quyết. TA từ nhỏ đến nay đều do chị chăm sóc và hiện tại đang ở với chị, nên chị yêu cầu được nuôi TA và không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh C trong quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bị đơn - anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có quan hệ hôn nhân với anh C có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Thuận An, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN. Nay, Chị T nộp đơn tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh C. Vì vậy, quan hệ pháp luật cần giải quyết là “tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh QN theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN ngày

21/9/2016. Trong quá trình chung sống, giữa Chị T và anh C có xảy ra mâu thuẫn do anh C đánh đập chị và không quan tâm, chăm sóc vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trước đây Chị T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh C, nhưng đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 69/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2017. Đến nay, Chị T và anh C vẫn không thể chung sống được với nhau, Chị T không còn tình cảm gì với anh C nên cương quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, anh C vắng mặt không có lý do; điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị T, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh C có hai con chung tên KT, sinh ngày 27/5/1999 và TA, sinh ngày 11/3/2008. Hiện nay, KT đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét. TA từ nhỏ đến nay đều được Chị T chăm sóc và đang ở với Chị T, TA cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. TA là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý. Mặt khác, anh C trong quá trình giải quyết vụ án thì không hợp tác thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao TA cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Giao cháu TA, sinh ngày 11/3/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0006575 ngày 02/01/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND TT Đông Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thọ